



**Xuất bản bởi**

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

**Thay mặt**

Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển (BMZ), CHLB Đức

**Văn phòng đăng ký**

Bonn và Eschborn, Đức

**Dự án**

Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam

**Thời gian phát hành**

Tháng 7 năm 2024

**Tác giả**

Phạm Đức Thiêng

**Chịu trách nhiệm**

Anja Barth – Cố vấn trưởng dự án, GIZ

**Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm**

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong tài liệu này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hay BMZ. Những cơ quan, đơn vị này từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

## Tóm tắt

Trong hơn một thập kỷ qua, tổng diện tích rừng của Việt Nam tăng ổn định từ 13,4 triệu ha với tỷ lệ che phủ 39,5% trong năm 2010<sup>1</sup> lên 14,9 triệu ha với tỷ lệ che phủ 42,02% trong năm 2023<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích tăng chủ yếu là rừng trồng, từ 3,1 triệu ha trong năm 2010 lên 4,7 triệu ha trong năm 2023, bình quân mỗi năm tăng thêm 127.000 ha. Nhờ đó, Việt Nam trở thành một trong năm quốc gia có diện tích rừng tăng cao nhất trên thế giới trong giai đoạn 2010-2020<sup>3</sup>. Lượng tăng này là nguồn cung gỗ quan trọng cho ngành gỗ của Việt Nam, từng bước giúp quốc gia này giảm phụ thuộc vào nguồn gỗ nhập khẩu.

**Báo cáo này tập trung đánh giá vai trò của gỗ nguyên liệu trong nước trong việc đáp ứng nhu cầu sản xuất gỗ và sản phẩm gỗ cho thị trường nội địa cũng như xuất khẩu trong giai đoạn 2010-2023.**

Sau khi chính phủ có chủ trương dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên từ năm 2014<sup>4</sup>, rừng trồng sản xuất trở thành nguồn khai thác gỗ từ rừng duy nhất. Bên cạnh đó, gỗ trong nước cũng được khai thác từ 2 nguồn khác là đồn điền cao su và cây phân tán. Theo đó, báo cáo sẽ phân tích dòng sản phẩm gỗ từ 3 nguồn này. Đối với nguồn cung từ rừng trồng sản xuất, cây Keo sẽ được chọn để phân tích sâu hơn vì đây là loài phổ biến nhất.

---

<sup>1</sup> Quyết định số 1828/QĐ-BNN-TCLN của Bộ NN&PTNT ngày 11 tháng 8 năm 2011.

<sup>2</sup> Quyết định số 816/QĐ-BNN-KL của Bộ NN&PTNT ngày 20 tháng 3 năm 2024.

<sup>3</sup> FAO (2020). Global forest resources assessment 2010 - Main report.

<sup>4</sup> Quyết định số 2242/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 12 năm 2014.

# 1. Diễn biến vùng nguyên liệu trong giai đoạn 2010-2023

## 1.1. Rừng trồng sản xuất

Trong giai đoạn 2010-2023, tổng diện tích rừng trồng tăng 53%, từ 3.083.000ha<sup>5</sup> lên 4.730.000 ha<sup>6</sup>. Diện tích rừng trồng đặc dụng và rừng trồng phòng hộ thay đổi không đáng kể với khoảng 700.000 ha, còn diện tích rừng trồng sản xuất tăng mạnh, từ 2.276.000 ha lên 4.004.000 ha.

Mặc dù Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PT) đã có kế hoạch phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn giai đoạn 2014-2020<sup>7</sup> nhưng các đơn vị chủ rừng chủ yếu áp dụng phương thức trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ. Đến hết năm 2022, diện tích rừng trồng kinh doanh gỗ lớn mới chỉ khoảng 508.821 ha,<sup>8</sup> tương đương 13% tổng diện tích rừng trồng sản xuất.

Tại Việt Nam có 2 hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững đang được áp dụng, đó là FSC và VFCS/PEFC. Diện tích rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững vẫn còn ít. Tính đến hết năm 2023, cả nước mới chỉ có 457.542 ha rừng trồng được chứng nhận, tương đương 11,4% tổng diện tích rừng trồng sản xuất. Trong đó, 289.037 ha được cấp theo FSC<sup>9</sup> và 168.505 ha được cấp theo VFCS/PEFC<sup>10</sup>.

Đến năm 2022, diện tích rừng Keo là 1.950.000 ha<sup>11</sup>, tương đương với 50% tổng diện tích rừng trồng sản xuất. So với các loài gỗ rừng trồng khác tại Việt Nam, Keo là loài có mức tăng trưởng cao nhất. Bên cạnh đó, kỹ thuật chăm sóc rừng trồng Keo (đối với rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ) không quá phức tạp đối với các chủ rừng. Vì vậy, diện tích Keo đã liên tục được mở rộng. Đối với nhiều hộ chủ rừng, cây Keo được coi là cây xóa đói giảm nghèo trong 20-30 năm qua. Nhờ có cây Keo mà nhiều diện tích đất trống, đồi núi trọc được phủ xanh.

---

<sup>5</sup> Quyết định số 1828/QĐ-BNN-TCLN của Bộ NN&PTNT ngày 11 tháng 8 năm 2011.

<sup>6</sup> Quyết định số 816/QĐ-BNN-KL của Bộ NN&PTNT ngày 20 tháng 3 năm 2024.

<sup>7</sup> Quyết định số 774/QĐ-BNN-TCLN của Bộ NN&PTNT ngày 18 tháng 04 năm 2014.

<sup>8</sup> Cục Lâm nghiệp (2024).

<sup>9</sup> <https://connect.fsc.org/impact/facts-figures>

<sup>10</sup> <https://vfcs.org.vn/du-lieu-chung-nhan/>

<sup>11</sup> Cục Lâm nghiệp (2024).

## 1.2. Đồn điền cao su

Cao su được trồng trên diện tích rộng bởi (i) các doanh nghiệp Nhà nước (chiếm đa số), doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI (còn gọi là cao su đại điền) với diện tích từ hàng trăm đến hàng nghìn ha, hoặc bởi (ii) các hộ gia đình (còn gọi là cao su tiểu điền) với diện tích của từng hộ nhỏ hơn rất nhiều.. Đến hết năm 2021, diện tích cao su đại điền và tiểu điền lần lượt là 481.000 ha và 458.000 ha, tương ứng 49% và 51%.<sup>12</sup>

## 1.3. Cây phân tán

Ngoài trồng rừng tập trung, người dân cả nước còn tích cực trồng cây phân tán. Trong giai đoạn 2010-2023, trung bình mỗi năm cả nước trồng được 136 triệu cây phân tán.<sup>13</sup> Việc này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần tăng diện tích cây xanh, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường.

---

<sup>12</sup> Trần Thị Thúy Hoa và cộng sự (2021).

<sup>13</sup> Tổng cục Thống kê (2010-2023). Báo cáo tình hình KTXH.

## 2. Sản lượng gỗ khai thác trong giai đoạn 2010-2023

### 2.1. Gỗ rừng trồng sản xuất

Việc khai thác gỗ phụ thuộc vào diện tích khai thác và năng suất của rừng trồng. Trong những năm qua, sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng sản xuất tăng 4,3 lần, từ 5,2 triệu m<sup>3</sup> trong năm 2011 lên 22,4 triệu m<sup>3</sup> trong năm 2023.<sup>14</sup> Trong 3 nguồn cung gỗ trong nước được đề cập ở trên, rừng trồng sản xuất chiếm đa số, chiếm khoảng 67-71% Gỗ được khai thác chủ yếu là loại có đường kính nhỏ.

Gỗ Keo hiện đã trở thành nguồn cung gỗ nguyên liệu trong nước quan trọng nhất. Loài gỗ này chiếm trên dưới 80% trong tổng lượng cung gỗ trong nước hàng năm.<sup>15</sup> Trong đó, khoảng 70-80% gỗ Keo được sản xuất bởi các hộ gia đình với chu kỳ từ 5-7 năm, cho năng suất bình quân 15-25 m<sup>3</sup>/ha/năm. Lượng gỗ Keo khai thác của nhóm chủ rừng này đạt khoảng 9,6-10 triệu m<sup>3</sup>/năm.<sup>16</sup>

Với trữ lượng lớn và diện tích phủ khắp cả nước, gỗ Keo là nguyên liệu có tiềm năng thay thế một phần cho gỗ nhập khẩu trong việc sản xuất đồ gỗ xuất khẩu. Tuy nhiên, trong tương lai nếu không có phương án quản lý tốt, nguồn nguyên liệu này sẽ gặp nhiều bất cập (ví dụ như sâu, bệnh, thoái hóa đất, tác động của biến đổi khí hậu, v.v.).

### 2.2. Gỗ Cao su

Gỗ Cao su được khai thác khi cây đã kết thúc chu trình sinh mủ. Đây là nguồn cung quan trọng cho ngành chế biến gỗ, giúp ngành gỗ có một nguồn cung nguyên liệu hợp pháp, giá cả hợp lý, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu có giá cao. Trong giai đoạn từ 2016 đến 2021, sản lượng gỗ cao su tăng 1,7 lần từ 3 triệu m<sup>3</sup> trong năm 2016 lên 5 triệu m<sup>3</sup> trong năm 2021.<sup>17</sup>

### 2.3. Gỗ cây phân tán

---

<sup>14</sup> Việt Nam và Liên minh Châu Âu (2020, 2021, 2022); TCLN (2022); Cục Lâm nghiệp (2024b).

<sup>15</sup> Tô Xuân Phúc, Cao Thị Cẩm (2022).

<sup>16</sup> Bộ Chính trị (2014).

<sup>17</sup> Bộ NN&PTNT (2021).

Như đã đề cập ở phần trên, hơn 10 năm qua, trung bình mỗi năm có thêm 136 triệu cây phân tán được trồng ở Việt Nam, góp phần đáng kể cho nguồn cung gỗ ngày càng phát triển. Mỗi năm có 4-5,5 triệu m<sup>3</sup> gỗ được khai thác từ nguồn này.<sup>18</sup>

## 2.4. Sự tương quan giữa lượng cung gỗ trong nước và lượng cung gỗ nhập khẩu

Sự tăng trưởng liên tục của nguồn cung gỗ trong nước đã giúp ngành gỗ Việt Nam từng bước giảm phụ thuộc vào gỗ nhập khẩu. Trong năm 2012, tổng lượng gỗ sử dụng là 11,8 triệu m<sup>3</sup>, với 26% (tương đương 3,1 triệu m<sup>3</sup>) lượng gỗ được nhập khẩu. Sau đó, tổng lượng gỗ sử dụng tăng 3,2 lần lên 37,9 triệu m<sup>3</sup> vào năm 2021, nhưng Việt Nam chỉ phải nhập khẩu 16% (tương đương 6.1 triệu m<sup>3</sup>) lượng gỗ nguyên liệu.<sup>19</sup> Do đó, trong khi tổng lượng gỗ sử dụng tăng mạnh thì tỷ trọng tương đối của gỗ nhập khẩu có xu hướng giảm (từ 26% xuống còn 16%).

## 3. Hoạt động chế biến gỗ từ nguồn cung gỗ trong nước trong giai đoạn 2010-2023

### 3.1. Sản phẩm từ gỗ rừng trồng sản xuất

Sau khi khai thác, gỗ được phân loại trực tiếp tại rừng dựa theo chất lượng và đường kính trước khi được xếp lên xe tải. Gỗ có đường kính lớn được sử dụng để xẻ phi, làm nguyên liệu để làm đồ gỗ ngoài trời hoặc trong nhà. Gỗ có đường kính nhỏ hơn được sử dụng làm ván bóc, một nguyên liệu đầu vào để sản xuất gỗ dán. Gỗ nhỏ hơn nữa và cành ngọn được sử dụng làm dăm gỗ và viên nén.

Bên cạnh đó, việc sử dụng gỗ rừng trồng cũng phụ thuộc nhiều vào yếu tố vùng miền và việc phân bổ các cơ sở chế biến ở vùng miền đó. Ví dụ, ở các tỉnh miền núi phía Bắc, gỗ rừng trồng được sử dụng làm ván bóc chủ yếu vì Trung Quốc thu mua nguyên liệu này để làm gỗ dán. Trong khi đó, ở các tỉnh duyên hải miền Trung có cảng nước sâu và diện tích rừng trồng lớn, gỗ được sử dụng làm ván dăm.<sup>20</sup> Một trường hợp cụ thể là Quảng Ninh, nơi có nhiều mỏ than và gỗ Keo được sử dụng để làm trụ

---

<sup>18</sup> Bộ NN&PTNT (2021); Tổng cục Lâm nghiệp (2022).

<sup>19</sup> Nguyễn Bá Ngãi và Nguyễn Quốc Trị (2020) và Việt Nam và Liên minh Châu Âu (2020-2022).

<sup>20</sup> Tô Xuân Phúc, Cao Thị Cẩm (2022).

mở<sup>21</sup>. Trong trường hợp này, các công ty than thường cho các công ty lâm nghiệp vay tiền, còn các công ty lâm nghiệp trả gỗ cho các công ty than sau khi khai thác. Ở Phú Thọ, nơi có nhiều nhà máy giấy, gỗ rừng trồng được sử dụng làm nguyên liệu giấy.

Diện tích rừng trồng Keo đã liên tục được mở rộng trong hơn một thập kỷ qua vì loài gỗ này sinh trưởng nhanh và được ưa chuộng sử dụng trong nhiều sản phẩm gỗ như dăm gỗ, ván bóc, gỗ xẻ/gỗ ghép, đồ gỗ, gỗ kết cấu chịu lực và các sản phẩm khác.

### 3.2. Sản phẩm từ gỗ cao su

Gỗ cao su đang có vị thế ngày càng quan trọng cho cả ngành cao su và ngành gỗ Việt Nam. Loại gỗ này đã trở thành một trong những nguồn cung gỗ nguyên liệu chính để sản xuất đồ gỗ không chỉ cho thị trường xuất khẩu mà cả cho tiêu thụ nội địa. Các sản phẩm chính làm từ gỗ cao su là đồ gỗ và ghé ngồi.

### 3.3. Sản phẩm gỗ từ cây phân tán

Cây phân tán được trồng rải rác trên nhiều loại đất khác nhau với mục đích làm cây che bóng, chắn gió, tạo cảnh quan, và lấy gỗ không phải là mục đích chính khi trồng. Vì vậy, gỗ từ nguồn cung này có các đặc điểm: số lượng không nhiều, chủng loại đa dạng, quy cách cũng như chất lượng không đồng đều, đôi khi có nhiều khuyết tật như nhiều mắt và thân không thẳng do cây mọc tự nhiên, nhưng có đường kính lớn do vòng đời dài và mật độ thưa. Những đặc điểm này khiến gỗ cây phân tán không được ưa chuộng sử dụng làm nguyên liệu sản xuất đồ gỗ hàng loạt, mà phù hợp làm các sản phẩm gia dụng đặc thù.

---

<sup>21</sup> Võ Đại Hải (2015).

## 4. Thị trường thương mại gỗ trong nước trong giai đoạn 2010-2023

### 4.1. Thị trường trong nước

Đối với thị trường nội địa, gỗ Keo chủ yếu được sử dụng để làm trụ mỏ, bột giấy/giấy, cốp pha, thùng hàng, hoặc tấm nâng hàng (pallet). Ngoài ra, các sản phẩm là thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam từ gỗ Keo như dăm gỗ, viên nén, ván bóc, gỗ dán, v.v. cũng được tiêu thụ tại thị trường nội địa, nhưng với tỷ lệ rất nhỏ.

Tại thị trường nội địa, các sản phẩm được làm từ gỗ cao su đã và đang là một trong những nhóm mặt hàng được người tiêu dùng ưa chuộng vì dòng sản phẩm này có màu sáng và giá cả phải chăng. Các mặt hàng chủ yếu là đồ nội thất gia đình, đồ gỗ văn phòng, ghế ngồi và ván ghép. Trong năm 2019, lượng gỗ cao su sử dụng trong các sản phẩm tiêu thụ nội địa là 647.336 m<sup>3</sup>, chiếm 13,3% tổng lượng gỗ cao su được tiêu thụ.<sup>22</sup>

Đa số sản phẩm mộc dân dụng làm từ gỗ cây phân tán được tiêu thụ tại thị trường trong nước. Có trường hợp, người dân mang gỗ vườn nhà của mình đến xưởng mộc đặt làm giường tủ bàn ghế cho gia đình mình. Có trường hợp, xưởng mộc thu mua gỗ cây phân tán tại địa phương rồi làm đồ mộc dân dụng cung cấp cho chính người ở nơi đó. Có trường hợp, gỗ cây phân tán là những loài được ưa chuộng như Mít, Xoan ta, v.v, được chế biến tại những địa phương/ làng nghề có nhu cầu cao về những loài gỗ này.

### 4.2. Thị trường xuất khẩu

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong năm 2023 giảm 16% so với năm 2022, nhưng ngành gỗ vẫn ghi dấu ấn với mức tăng trưởng ấn tượng, từ 3,4 tỷ USD năm 2010 lên 13,5 tỷ USD trong năm 2023.<sup>23</sup> Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chỉ tăng 1,9 lần, từ 1,2 tỷ USD lên 2,2 tỷ USD.<sup>24</sup> Kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh trong khi kim ngạch nhập khẩu không thay đổi đáng kể. Ngành

---

<sup>22</sup> Trần Thị Thúy Hoa và cộng sự (2021).

<sup>23</sup> Tổng cục thống kê (2010-2023). Niên giám thống kê.

<sup>24</sup> Nguyễn Bá Ngãi và Nguyễn Quốc Trí (2020).

gỗ Việt Nam đã đạt được mục tiêu kép: một mặt duy trì mức tăng trưởng nhanh, mặt khác giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung gỗ nhập khẩu. Có được kết quả này là nhờ sự tăng trưởng của nguồn cung gỗ trong nước.

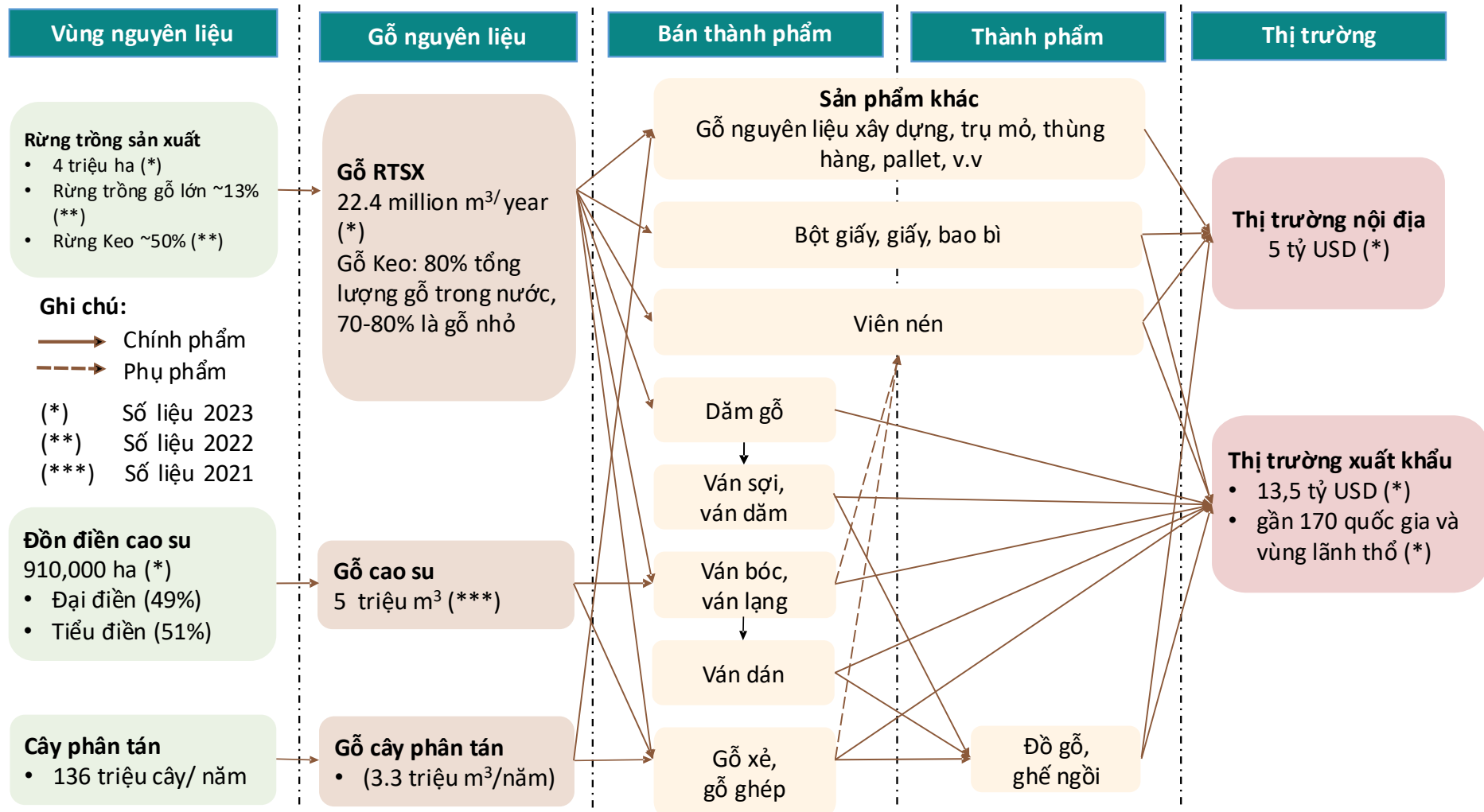
Trong khi nguyên liệu chính để sản xuất các sản phẩm như dăm gỗ, viên nén, ván bóc và gỗ dán chủ yếu là gỗ Keo thì chỉ có lượng nhỏ loài gỗ này có kích thước đủ lớn mới có thể dùng để sản xuất đồ gỗ và ghế ngồi. Phần nguyên liệu còn lại để sản xuất đồ gỗ và ghế ngồi được nhập khẩu từ các quốc gia khác.

Gỗ cao su được sử dụng để sản xuất nhiều mặt hàng khác nhau phục vụ xuất khẩu, trong đó chủ yếu là đồ gỗ (mã HS 9403) và ghế ngồi (mã HS 9401). Trong giai đoạn 2015-2023, giá trị xuất khẩu gỗ cao su và sản phẩm gỗ cao su (bao gồm cả sản phẩm sử dụng một phần và toàn bộ gỗ cao su) tăng, bình quân mỗi năm đem lại kim ngạch xuất khẩu xấp xỉ 2 tỷ USD, chiếm 16,2% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành gỗ.<sup>25</sup>

---

<sup>25</sup> Trần Thị Thúy Hoa và cộng sự (2021), Hiệp hội Cao su Việt Nam.

## 5. Dòng sản phẩm gỗ trong nước



## 6. Diễn biến thị trường

### 6.1. Các thị trường chính của Việt Nam

Nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm gỗ trên thế giới đều tăng trong giai đoạn 2019-2022, sau đó giảm mạnh trong năm 2023 do suy thoái toàn cầu.<sup>26</sup> Thị trường chính đối với đồ gỗ và ghế ngồi là Mỹ và Đức; đối với dăm gỗ và viên nén là Nhật Bản, Trung Quốc và Anh; còn đối với ván dán, ván bóc, ván lạng, ván dăm, ván sợi là Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc, Đức, Anh.

Đến cuối năm 2023, lạm phát đã có dấu hiệu giảm tại Mỹ<sup>27</sup> - thị trường lớn nhất của nhiều sản phẩm gỗ trên thế giới. Trong tháng 5 năm 2024, tại châu Âu cũng ghi nhận lạm phát giảm và tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục.<sup>28</sup> Đây là những dấu hiệu tích cực giúp các hoạt động xuất nhập khẩu nói chung và cả ngành gỗ nói riêng hồi phục trở lại. Trên thực tế, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 tăng 23,1% so với cùng kỳ năm 2023<sup>29</sup>.

### 6.2. Các quốc gia sản xuất gỗ và sản phẩm gỗ cạnh tranh với Việt Nam

Việt Nam hiện xếp thứ năm thế giới về giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sau Trung Quốc, Đức, Ý và Ba Lan.<sup>30</sup> Ngoài bốn quốc gia này, các quốc gia có thể cạnh tranh với Việt Nam là Mexico, Indonesia, Ấn Độ, Pakistan, và Malaysia. Nhưng theo đánh giá của các doanh nghiệp hội viên của Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP. Hồ Chí Minh (HAWA), chuỗi cung ở các quốc gia này chưa hoàn thiện so với chuỗi cung của Việt Nam. Vì vậy, trong ngắn hạn các quốc gia này chưa thể cạnh tranh được với ngành chế biến và xuất khẩu gỗ của Việt Nam. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhấn mạnh rằng về dài hạn cần lấy cơ sở pháp lý vững vàng làm nền tảng để duy trì tính cạnh tranh của mình.

---

<sup>26</sup> Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) <https://www.trademap.org/>.

<sup>27</sup> Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương (2023).

<sup>28</sup> Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương (2024).

<sup>29</sup> <https://vneconomy.vn/xuat-khau-go-va-do-go-nam-2024-co-the-lap-ky-luc-17-5-ty-usd.htm#:~:text=Theo%20s%E1%BB%91%20li%E1%BB%87u%20t%E1%BB%AB%20T%E1%BB%95ng,v%E1%BB%9Bi%20c%C3%B9ng%20k%E1%BB%B3%20n%C4%83m%20tr%C6%B0%E1%BB%9Bc>.

<sup>30</sup> <https://goviet.org.vn/bai-viet/nganh-go-chinh-phuc-thi-truong-200-ti-usd-8972>

### 6.3. Tiềm năng cho ngành gỗ Việt Nam

Thị trường thương mại gỗ và sản phẩm gỗ của thế giới rất lớn, khoảng 405 tỷ USD/năm, với nhu cầu nhập khẩu khoảng 230 tỷ USD/năm.<sup>31</sup> Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam mới chỉ chiếm 6-7% nhu cầu toàn cầu. Trong khi đó, thị trường nội địa với gần 100 triệu dân được dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh, với nhóm người tiêu dùng mới nổi nằm trong nhóm trung lưu, tầng lớp đang tăng mạnh và sẽ chiếm trên 90% dân số Việt Nam vào năm 2035<sup>32</sup>. Vì vậy, ngành gỗ Việt Nam có rất nhiều cơ hội tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới xét cả về quy mô thị trường cũng như năng lực đáp ứng.

Dòng sản phẩm gỗ trong nước của Việt Nam thay đổi phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu của thị trường toàn cầu. Nếu như nhu cầu dăm gỗ và viên nén trên thế giới vẫn tăng cao trong những năm tới, các nhà sản xuất gỗ trong nước sẽ tiếp tục sản xuất gỗ nhỏ trong các khu rừng trồng.

---

<sup>31</sup> Bộ NN&PTNT (2021).

<sup>32</sup> Ngân hàng Thế giới và Bộ KHĐT (2016).

## 7. Kết luận

### 7.1. Vai trò của nguồn cung gỗ trong nước

Như phân tích ở trên, nguồn cung gỗ trong nước giữ vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu sản xuất gỗ cho thị trường nội địa cũng như xuất khẩu trong giai đoạn 2010-2023. Mức tăng ổn định của lượng cung gỗ trong nước là cơ sở để ngành gỗ duy trì mức tăng trưởng nhanh trong thời gian qua cũng như góp phần ngày càng hoàn thiện chuỗi cung gỗ Việt Nam. Việc sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào cho ngành gỗ từ nguồn gỗ trong nước giúp giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung gỗ nhập khẩu. Thêm vào đó, việc mở rộng diện tích rừng trồng còn góp phần vào tạo nguồn sinh kế ổn định cho khu vực nông thôn, bao gồm các hộ gia đình dân tộc thiểu số miền núi.

Trong khuôn khổ thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT, Việt Nam đang tiếp tục hoàn thiện thể chế và các điều kiện để vận hành Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS) hướng đến mục tiêu cấp phép FLEGT, tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường EU và tạo dựng thương hiệu quốc tế về đảm bảo tính hợp pháp của gỗ trong toàn bộ chuỗi giá trị tại Việt Nam.

### 7.2. Các ưu tiên cần tập trung đối với ngành gỗ Việt Nam

- **Nâng cao năng suất và chất lượng nguồn cung gỗ trong nước**

Để đáp ứng được nhu cầu của ngành gỗ, nguồn cung gỗ trong nước cũng cần tăng trưởng về cả số lượng và chất lượng. Trong tương lai, cơ hội mở rộng diện tích rừng trồng sản xuất không nhiều do quỹ đất lâm nghiệp có hạn. Do đó, để tăng sản lượng gỗ chỉ còn cách tăng năng suất rừng trồng. Năng suất rừng trồng có thể được cải thiện bằng cách (i) cải thiện chất lượng cây giống, (ii) nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng, (iii) từng bước kéo dài chu kỳ trồng rừng, hướng đến trồng rừng kinh doanh gỗ lớn, (iv) tăng cường tập trung rừng trồng nhỏ lẻ và manh mún.

- **Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn cung gỗ trong nước**

Các nhà khoa học, các doanh nghiệp sản xuất kết hợp với các kiến trúc sư cần nghiên cứu ứng dụng sản phẩm gỗ kết cấu chịu lực<sup>33</sup> sử dụng gỗ rừng trồng trong nước làm vật liệu xây dựng. Sản phẩm này trước mắt được sử dụng trong nước, sau đó có thể được xuất khẩu đi các nước trong khu vực và trên thế giới. Đây sẽ là loại nguyên liệu bền vững (có lượng phát thải các-bon âm) cho ngành xây dựng, là hướng đi mới giúp nâng cao giá trị cho gỗ rừng trồng trong nước.

- **Định kỳ đánh giá lại vai trò của thương mại gỗ trong nước**

Kết quả của báo cáo này có thể được các bên liên quan sử dụng để giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến lĩnh vực “Kinh tế - năng lực cạnh tranh xuất khẩu”. Tất cả các thông tin về thương mại gỗ trong nước đề cập trong báo cáo này cần được theo dõi thường xuyên. Thêm vào đó, vai trò của thương mại gỗ trong nước cần được đánh giá lại tối thiểu 5 năm một lần.

---

<sup>33</sup> Gỗ kết cấu chịu lực là loại vật liệu xây dựng kết cấu từ gỗ được chế tạo phù hợp cho các cơ sở hạ tầng quy mô lớn như các tòa nhà và cầu. Các loại gỗ kết cấu chịu lực gồm gỗ ghép ngang (cross-laminated timber - CLT), gỗ ghép dọc bằng keo (glued-laminated timber - GLULAM), gỗ dán nhiều lớp (laminated veneer lumber - LVL), v.v.

## **Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”**

Phòng 032, tầng 3, tòa nhà Coco

Số 14 Thụy Khuê, Hà Nội

<https://snrd-asia.org/vpa-flegt/>

